



NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỦ THỂ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014

Ngô Thị Phương Thảo* và Đỗ Thị Mai Thu

Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Ngô Thị Phương Thảo (thaongotvu@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/07/2017

Ngày nhận bài sửa: 09/10/2017

Ngày duyệt đăng: 28/02/2018

Title:

Theoretical issues regarding the subject of assets valuation contributed capital to business under the provisions of business law in 20

Từ khóa:

Chủ thể định giá, doanh nghiệp, định giá, tài sản góp vốn

Keywords:

The subject of valuation, business, value, contributed asset

ABSTRACT

The article refers to the legal provisions, specifically the provisions of Business Law in 2014 on the subject of assets valuation contributed capital to business for various types of businesses: limited liability company, partnership, joint-stock company. The article does not mention to the businesses with foreign elements and State businesses. From the analysis of legal provisions, the article has pointed out the limitations of the law on the subject of assets valuation contributed capital to business, and proposed some ways to improve the law on this issue. The article only stops at the analysis of the words in the provisions of the law, so the article only proposed the direction to improve the words of the provisions of the law on the subject of assets valuation contributed capital to business in Business Law in 2014. This article will contribute a small part to the completion of Business Law in 2014 on the subject of assets valuation contributed capital to business - activities that greatly affect the capital size of business and the State management for business.

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến các quy định pháp luật, cụ thể là quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần. Bài viết không đề cập đến các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước. Từ việc phân tích các quy định pháp luật, bài viết chỉ ra các hạn chế của pháp luật về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, đồng thời đề xuất một số phương hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. Bài viết chỉ dừng lại ở việc phân tích câu chữ trong các quy định của pháp luật, do đó, bài viết chỉ đề xuất phương hướng nhằm hoàn thiện về mặt câu chữ các quy định của pháp luật về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp năm 2014. Bài viết này sẽ góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện Luật Doanh nghiệp năm 2014 về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp – hoạt động có ảnh hưởng rất lớn đến quy mô vốn của doanh nghiệp và công tác quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Trích dẫn: Ngô Thị Phương Thảo và Đỗ Thị Mai Thu, 2018. Những vấn đề lý luận về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(1D): 265-271.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định ở mỗi giai đoạn góp vốn (góp vốn thành lập doanh nghiệp và góp vốn để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp) thì chủ thể định giá tài sản góp vốn là khác nhau. Có thể thấy, pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam đã ngày càng mở rộng quyền và nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với vấn đề định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Do đó, ở giai đoạn nào của quá trình góp vốn, Luật Doanh nghiệp hiện hành cũng cho phép doanh nghiệp tự định giá hoặc có thể thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp (Quốc hội, 2014). Đây có thể được xem là quyền của doanh nghiệp. Trên cơ sở quy định đó của pháp luật hiện hành, chúng ta có thể phân chia chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp thành hai nhóm sau: Nhóm chủ thể định giá trên cơ sở tự thỏa thuận và Nhóm chủ thể định giá là tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp.

2 NỘI DUNG

2.1 Chủ thể định giá trên cơ sở tự thỏa thuận

Đối với nhóm chủ thể định giá trên cơ sở tự thỏa thuận, pháp luật cho phép các chủ thể tự định đoạt, quyết định giá trị của tài sản góp vốn sao cho hợp lý nhất. Giá trị của tài sản góp vốn do các chủ thể này xác định sẽ trở thành vốn của công ty và được ghi vào Điều lệ công ty. Như đã đề cập ở trên, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, góp vốn bao gồm góp vốn khi thành lập doanh nghiệp và góp vốn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp (tức là góp vốn để tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp). Theo đó, nhóm chủ thể định giá tài sản góp vốn trên cơ sở tự thỏa thuận cũng được quy định cụ thể trong từng trường hợp góp vốn. Những chủ thể này bao gồm: Các thành viên, cổ đông sáng lập đối với trường hợp góp vốn thành lập doanh nghiệp; Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn vào doanh nghiệp đối với trường hợp góp vốn để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Cụ thể tại Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định như sau:

Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí [...].

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá [...].

Tiếp tục ghi nhận nguyên tắc “nhất trí” tại Khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2005 khi quy

định về vấn đề định giá tài sản góp vốn, Khoản 2 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 cũng quy định: Ở giai đoạn góp vốn thành lập doanh nghiệp, tài sản góp vốn có thể được định giá bởi các thành viên, cổ đông sáng lập theo nguyên tắc nhất trí (Quốc hội, 2014).

Đối với công ty cổ phần: Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 “là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần” (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”). Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp hiện hành cũng tiếp tục quy định điều kiện về số lượng cổ đông sáng lập để được thành lập công ty cổ phần là “...phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập...” (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”). Đồng thời, cổ đông của công ty cổ phần có thể là cá nhân hoặc là tổ chức (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”). Như vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định hai điều kiện cần và đủ để một cổ đông trở thành cổ đông sáng lập của công ty đó là cổ đông đó phải sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần. Những cổ đông này sẽ là chủ thể có quyền tham gia hoạt động định giá đối với tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Có thể thấy chủ thể định giá tài sản góp vốn vào công ty cổ phần lúc thành lập phải có ít nhất là ba cá nhân hoặc tổ chức. Nói cách khác, muốn định giá tài sản góp vốn vào công ty cổ phần thì phải có sự thống nhất ý chí của ít nhất là ba cổ đông sáng lập.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh: Luật Doanh nghiệp năm 2014 không trực tiếp định nghĩa về thành viên sáng lập mà chỉ đưa ra định nghĩa về người thành lập doanh nghiệp và thành viên công ty. Theo đó: “Người thành lập doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp” (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”) và “thành viên công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp danh” (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”). Hơn nữa, theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Điều lệ công ty phải có chữ ký của: Các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; Chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn

hai thành viên trở lên. Như vậy, có thể hiểu thành viên sáng lập là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ khi thành lập doanh nghiệp và có ký tên vào Điều lệ công ty. Trừ trường hợp công ty hợp danh, khi thành lập công ty hợp danh thành viên sáng lập bao gồm thành viên hợp danh và có thể có thành viên góp vốn nhưng điều lệ công ty chỉ cần có chữ ký của thành viên hợp danh (Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”).

Các chủ thể là thành viên, cổ đông sáng lập tiến hành hoạt động định giá tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp theo nguyên tắc “nhất trí”. Nguyên tắc “nhất trí” này đòi hỏi tất cả các thành viên, cổ đông sáng lập phải có một tiếng nói chung về giá trị của tài sản góp vốn. Nguyên tắc này cũng đã được Luật Doanh nghiệp năm 2005 ghi nhận. Có thể thấy khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc “nhất trí” điều đó có nghĩa đây là một nguyên tắc tiến bộ và hợp lý. Nguyên tắc “nhất trí” sẽ hạn chế đến mức thấp nhất những tranh chấp có thể xảy ra về giá trị tài sản góp vốn (căn cứ để phân chia lợi nhuận cũng như nghĩa vụ đối với doanh nghiệp) giữa các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc trong trường hợp có xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào kết quả định giá đã được nhất trí, cơ quan tài phán có cơ sở để đưa ra quyết định xử lý vụ tranh chấp một cách nhanh chóng, công bằng, hợp lý.

Ở giai đoạn góp vốn để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp, chủ thể định giá trong trường hợp này là chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn. Có thể thấy, mặc dù đã có sự tiến bộ trong quy định về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014 vẫn bộc lộ những hạn chế như sau:

Một là, ở giai đoạn góp vốn thành lập doanh nghiệp thì chủ thể định giá tài sản góp vốn trên cơ sở tự thỏa thuận là tất cả các thành viên, cổ đông sáng lập, tức là các chủ thể trên đều được thể hiện ý chí đối với việc xác định giá trị của tài sản góp vốn. Tuy nhiên, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên sáng lập chính là chủ sở hữu. Do đó, các thành viên sáng lập tham gia định giá tài sản góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp cũng chính là chủ sở hữu. Như vậy, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sẽ không tồn tại nguyên tắc “nhất trí” như theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Rõ ràng, nguyên tắc này chỉ đặt ra đối với thành viên, cổ đông sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh và công ty cổ phần.

Hai là, ở giai đoạn góp vốn để tăng thêm vốn điều lệ cho doanh nghiệp thì chủ thể định giá tài sản góp vốn trên cơ sở tự thỏa thuận là Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng thành viên bao gồm tất cả các thành viên của công ty, là cơ quan đại diện cho tất cả các thành viên của công ty cùng với người góp vốn tiến hành hoạt động định giá tài sản góp vốn, nhưng đối với công ty cổ phần, cơ quan đại diện cho công ty để tiến hành hoạt động định giá tài sản góp vốn cùng với người góp vốn là Hội đồng quản trị. Trong khi đó, Hội đồng quản trị lại không phải là cơ quan đại diện cho tất cả các cổ đông trong công ty cổ phần mà chỉ là “cơ quan quản lý công ty” (Quốc hội, 2014). Hơn nữa, thành viên Hội đồng quản trị “không nhất thiết phải là cổ đông của công ty” (Quốc hội, 2014), những thành viên này khi tham gia hoạt động định giá tài sản góp vốn có thể thỏa thuận với người góp vốn trong việc xác định giá trị của tài sản góp vốn.

Ba là, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, việc tăng vốn điều lệ có thể được thực hiện bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn của người khác (Quốc hội, 2014). Nếu tăng vốn điều lệ bằng hình thức huy động thêm phần vốn góp của người khác thì công ty phải chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Theo đó, chủ thể định giá tài sản góp vốn sẽ là chủ sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũ (lúc này được xem là thành viên hoặc cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần) và người góp vốn mới (thành viên mới). Nếu tăng vốn điều lệ bằng hình thức chính chủ sở hữu công ty tự đầu tư thêm vốn thì công ty không phải chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tức là vẫn là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Theo đó, chủ thể tự định giá tài sản góp vốn ở đây cũng chỉ là chủ sở hữu công ty mà không có người góp vốn bởi người góp vốn cũng chính là chủ sở hữu công ty. Do đó, chủ sở hữu cũng không cần phải có sự “thỏa thuận” với bất kỳ ai trong trường hợp này. Có thể thấy, việc quy định chung chung tại Khoản 3 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 là chưa phù hợp với tất cả các loại hình doanh nghiệp.

Đề xuất

Từ những hạn chế trên, pháp luật hiện hành cần hoàn thiện một số điểm sau:

Thứ nhất, đối với bất cập về hoạt động định giá tài sản góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên, Khoản 2 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 cần bổ sung chủ thể định giá đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là chủ sở hữu. Theo đó, Luật Doanh nghiệp hiện hành nên sửa đổi Khoản 2 Điều 37 như sau: *“Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được chủ sở hữu định giá hoặc các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí”*.

Thứ hai, đối với bất cập về hoạt động định giá tài sản góp vốn để tăng thêm vốn điều lệ của công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (trường hợp chủ sở hữu đầu tư thêm vốn) nên sửa đổi đoạn 1 Khoản 3 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 như sau: *“Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên định giá, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị nếu Điều lệ công ty có quy định đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá [...]”*. Bởi vì đối với công ty cổ phần thì Đại hội đồng cổ đông *“gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần”* (Quốc hội, 2014) hoặc nếu Điều lệ công ty có quy định thì xem như các cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị.

2.2 Chủ thể định giá là tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp

Nhằm đảm bảo cho kết quả định giá được khách quan, bên cạnh những chủ thể có thẩm quyền định giá tài sản góp vốn trên cơ sở tự thỏa thuận với nhau thì pháp luật còn cho phép doanh nghiệp thuê một cơ quan, tổ chức với tư cách là bên thứ ba đứng ra thực hiện hoạt động định giá đối với tài sản góp vốn vào doanh nghiệp (Quốc hội, 2014).

Luật Doanh nghiệp năm 2014 cho phép doanh nghiệp có thể “nhờ” sự “trợ giúp” của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp trong cả hai giai đoạn góp vốn: góp vốn thành lập doanh nghiệp và góp vốn để tăng vốn điều lệ. Cụ thể tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 37 LDN năm 2014 quy định:

Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp [...] do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động [...] do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận.

Cho đến thời điểm hiện tại, cả Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành

đều không đề cập đến vấn đề vốn pháp định. Quy định này của Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã tạo được sự thông thoáng cho doanh nghiệp, mở rộng quyền tự do của doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và tinh thần của Hiến pháp. Ngoài ra, Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ, Ngành cũng đề nghị: *“Bãi bỏ yêu cầu doanh nghiệp nộp bản xác nhận vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề trong thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh”*.

Từ thực tế trên, dù đã có những quy định tiên bộ vượt bậc, phù hợp với nền kinh tế thị trường nhưng Luật Doanh nghiệp hiện hành và một số văn bản pháp luật chuyên ngành vẫn còn tồn tại một số bất cập khi quy định về chủ thể định giá tài sản góp vốn là tổ chức thẩm định giá:

Thứ nhất, mặc dù Luật Doanh nghiệp hiện hành không quy định về vấn đề vốn pháp định và xác nhận mức vốn pháp định trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Song song đó, đối với những doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề theo quy định của pháp luật chuyên ngành có điều kiện về vốn thì doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề này phải có đủ điều kiện theo quy định của luật chuyên ngành mới được kinh doanh (Chính phủ, 2015). Nghĩa là pháp luật hiện hành đã hạn chế đi “rào cản” về vốn để thành lập doanh nghiệp, nhưng để kinh doanh một số ngành, nghề đặc thù doanh nghiệp phải đảm đủ vốn điều lệ tối thiểu bằng với mức vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do không đặt ra vấn đề vốn pháp định và xác nhận mức vốn pháp định nên Luật Doanh nghiệp cũng không bắt buộc doanh nghiệp phải thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình góp vốn (trừ khi cơ quan hậu kiểm có yêu cầu). Việc thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp tiến hành hoạt động định giá tài sản góp vốn trong giai đoạn thành lập doanh nghiệp hoàn toàn xuất phát từ ý chí chủ quan, từ quyền tự do lựa chọn của nhà đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay tồn tại song song với Luật Doanh nghiệp vẫn còn một số văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định điều kiện về vốn pháp định và bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp phải có xác nhận mức vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền hoặc phải có chứng thư thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp khi tài sản góp vốn không phải là tiền. Chẳng hạn như Nghị định 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ đòi nợ tại Điều 13 quy định: *“Mức vốn pháp định đối với ngành nghề kinh doanh dịch vụ đòi nợ là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng)”*, đồng thời Điểm c Khoản 1 Điều 16 Nghị định này lại tiếp tục quy

định: “Đối với số vốn góp bằng tài sản, phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá ở Việt Nam về kết quả định giá tài sản được đưa vào góp vốn [...]” đến nay vẫn còn hiệu lực thi hành và nhiều văn bản pháp luật khác cũng quy định về vấn đề này. Như vậy, đối với những doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về vốn pháp định thì bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp phải có xác nhận mức vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền hoặc phải có chứng thư của tổ chức định giá chuyên nghiệp nếu tài sản góp vốn không phải là tiền. Trong khi đó, Luật Kinh doanh bắt động sản năm 2014 tại Khoản 1 Điều 10 cũng đề cập về vốn pháp định như sau: “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh bắt động sản phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và có vốn pháp định không được thấp hơn 20 tỷ đồng [...]*” nhưng lại quy định “*doanh nghiệp, hợp tác xã không phải làm thủ tục đăng ký xác nhận về mức vốn pháp định*” mà mức vốn pháp định này sẽ được xác định căn cứ vào vốn điều lệ của doanh nghiệp đã đăng ký (Chính phủ, 2015). Nghĩa là ở đây, pháp luật không yêu cầu trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp phải có xác nhận mức vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền cũng như không cần phải có chứng thư của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp. Quy định này của Luật Kinh doanh bắt động sản và văn bản hướng dẫn thi hành thì lại phù hợp với tinh thần của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Có thể thấy cùng quy định về vấn đề vốn pháp định nhưng các văn bản pháp luật chuyên ngành vẫn chưa có sự thống nhất với Luật Doanh nghiệp năm 2014 cũng như với đề nghị “*Bãi bỏ yêu cầu doanh nghiệp nộp bản xác nhận vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề trong thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh*” theo tinh thần Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ, Ngành. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có hiệu lực thi hành hơn hai năm nhưng đến nay các văn bản pháp luật chuyên ngành vẫn chưa kịp thời sửa đổi cho phù hợp nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật ở nước ta nói chung, pháp luật về doanh nghiệp nói riêng.

Thứ hai, cũng theo quy định trên, khi góp vốn thành lập doanh nghiệp, nếu tài sản góp vốn được định giá bởi tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp thì giá trị tài sản góp vốn phải được “*đa số*” các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận. Điều này có nghĩa một tài sản góp vốn nếu được định giá bởi tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp thì chỉ cần được “*đa số*” các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận mà không cần xác định tài sản đó của thành viên, cổ đông nào. Nói cách khác nếu thành viên, cổ đông có tài sản góp vốn không chấp thuận về mức giá mà tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp đã định

đối với tài sản góp vốn của mình nhưng mức giá này được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập khác chấp thuận thì đó là mức giá cuối cùng đối với tài sản góp vốn. Quy định này đã phần nào hạn chế đi quyền của chủ sở hữu đối với tài sản góp vốn. Nếu đây là tài sản họ góp vốn lúc mới thành lập doanh nghiệp thì khi họ không đồng ý với mức giá được “*đa số*” các thành viên, cổ đông khác chấp thuận thì họ có thể không góp vốn vào doanh nghiệp đó nữa. Nhưng nếu trong trường hợp đó là tài sản họ góp vào doanh nghiệp để đảm bảo phần vốn góp đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì trong thời hạn 90 ngày kể từ doanh nghiệp được thành lập, họ không chấp thuận mức giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp cung cấp đã được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập khác chấp thuận và cũng không góp vốn bằng tài sản khác, họ sẽ không còn là thành viên của công ty nếu chưa góp vốn hoặc giảm quyền lợi trong công ty nếu chưa góp đủ vốn và phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên (Quốc hội, 2014). Trong khi đó, tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp nếu được tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận (Quốc hội, 2014). Giai đoạn góp vốn để tăng vốn điều lệ thì luật đã có sự ghi nhận quyền của người góp vốn đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình. Còn giai đoạn góp vốn thành lập doanh nghiệp thì trong một số trường hợp lại không có được quyền này.

Hơn nữa, từ “*đa số*” mà luật sử dụng trong quy định trên mang tính định tính mà không phải định lượng. “*Đa số*” ở đây có phải là quá nửa tổng số thành viên, cổ đông sáng lập hay một số lượng cụ thể nào khác? Chẳng hạn, nếu một công ty trách nhiệm hữu hạn khi thành lập có năm (05) thành viên, công ty này thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá tài sản góp vốn, khi tổ chức thẩm định giá cung cấp kết quả định giá tài sản góp vốn thì mức giá này phải được ba (03) hay bốn (04) thành viên trong tổng số năm (05) thành viên sáng lập chấp thuận mới được gọi là “*đa số*”.

Thứ ba, đối với tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu được định giá bởi tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận. Tuy nhiên “*doanh nghiệp*” theo quy định này của luật là ai? Là chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần hay là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp? Quy định này của Luật Doanh nghiệp

năm 2014 giống với Luật Doanh nghiệp năm 2005 trong khi chủ thể phải chịu trách nhiệm về việc định giá sai theo quy định của hai văn bản này là khác nhau: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì chủ thể phải chịu trách nhiệm đối với việc định giá sai về phía doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật còn ở Luật Doanh nghiệp năm 2014 là chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần. Nghĩa là hạn chế này của Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã tiếp tục đi vào “lối mòn” của Luật Doanh nghiệp năm 2005 mà chưa có sự sửa đổi cho rõ ràng. Và nếu “doanh nghiệp” theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 là chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần thì phải là tất cả thành viên Hội đồng thành viên, tất cả thành viên Hội đồng quản trị hay chỉ cần “đa số” thành viên Hội đồng thành viên, “đa số” thành viên Hội đồng quản trị hay chỉ là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng với người góp vốn chấp thuận giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp cung cấp là được? Đây cũng là vấn đề chưa được luật quy định rõ. Theo cách hiểu thông thường, “doanh nghiệp” quyết định bởi cơ quan quyền lực cao nhất của doanh nghiệp, tức là chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần. Tuy nhiên, nếu theo cách hiểu này thì đối với công ty cổ phần cơ quan có quyền chấp thuận mức giá do tổ chức thẩm định giá cung cấp là Đại hội đồng cổ đông nhưng chủ thể phải gánh chịu nghĩa vụ trong trường hợp định giá sai lại là thành viên Hội đồng quản trị. Đây là điểm bất cập của Luật Doanh nghiệp hiện hành và cần phải được quy định rõ hơn.

Đề xuất

Nhằm hoàn thiện những hạn chế trên của Luật Doanh nghiệp năm 2014, góp phần tạo cho doanh nghiệp môi trường kinh doanh thuận lợi, Luật Doanh nghiệp hiện hành nên có một số sửa đổi, bổ sung cụ thể:

Một là, đối với thuật ngữ “vốn pháp định”: Nhằm đảm bảo tính thống nhất của pháp luật nói chung, pháp luật về doanh nghiệp nói riêng, các văn bản pháp luật chuyên ngành cần thay thuật ngữ “vốn pháp định” bằng thuật ngữ “điều kiện về vốn” cho phù hợp với tinh thần đổi mới của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định điều kiện về vốn pháp định hoặc điều kiện vốn tối thiểu

khi đăng ký thành lập doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề đặc thù như: kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ đòi nợ... Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam hiện nay là đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đó có thủ tục thành lập doanh nghiệp nhằm tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình theo quy định của Hiến pháp. Theo đó, việc thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá tài sản góp vốn là sự tự do lựa chọn của doanh nghiệp chứ không còn là bắt buộc như quy định của một số văn bản pháp luật chuyên ngành hiện nay nữa. Vấn đề kiểm tra việc doanh nghiệp có đủ điều kiện về vốn để kinh doanh những ngành, nghề có điều kiện về vốn hay không nên có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan chuyên môn kiểm tra vốn của doanh nghiệp, đồng thời khâu hậu kiểm như đã phân tích ở trên phải được tiến hành kịp thời.

Hai là, đối với góp vốn thành lập doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014 nên sửa đổi đoạn 1 Khoản 2 Điều 37 như sau: “[...] Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được chủ sở hữu, tất cả các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận”. Bởi vì cũng theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì chủ thể phải gánh chịu nghĩa vụ trong trường hợp định giá sai là tất cả thành viên, cổ đông sáng lập chứ không phải là “đa số” các thành viên, cổ đông sáng lập đã chấp thuận mức giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp cung cấp trước đó. Nhằm đảm bảo quyền lợi của tất cả các thành viên, cổ đông sáng lập thì thiết nghĩ phải là “tất cả” thành viên, cổ đông sáng lập chứ không phải là “đa số” như quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Hơn nữa, “tất cả” sẽ phù hợp hơn với nguyên tắc “nhất trí” khi các thành viên, cổ đông sáng lập tự thỏa thuận định giá như đã phân tích ở trên.

Ba là, đối với góp vốn để tăng vốn điều lệ nên sửa đổi đoạn 1 Khoản 3 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 như sau: “[...] Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 75% các thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông hoặc 65% các thành viên Hội đồng quản trị nếu Điều lệ công ty có quy định đối với công ty cổ phần chấp thuận”. Bởi vì, trong trường hợp định giá sai thì chủ thể phải gánh chịu nghĩa vụ là người góp vốn và chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu Điều lệ công ty có quy định đối với công ty cổ phần, do đó kết quả định giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp cung cấp phải được tất cả các chủ thể này chấp thuận.

3 KẾT LUẬN

Định giá tài sản góp vốn là khâu quan trọng và không thể thiếu đối với tài sản góp vốn vào doanh nghiệp không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng. Do đó, Nhà nước cần có một khung pháp lý hoàn thiện nhằm điều chỉnh có hiệu quả đối với hoạt động này. Có như vậy thì mới phát huy được vai trò của công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung, vốn của doanh nghiệp nói riêng. Để quản lý chặt chẽ đối với hoạt động này, vấn đề cần thiết đó là phải có sự điều chỉnh rõ ràng, cụ thể đối với những chủ thể tiến hành hoạt động này. Với những phân tích trong bài viết, có thể thấy, Luật Doanh nghiệp năm 2014 khi quy định về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp đã có những thay đổi tiến bộ vượt bậc, ngày càng theo hướng mở rộng quyền tự do của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế cần phải được khắc phục ngay.

Nói tóm lại, liên quan đến quy định về chủ thể định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2014 nên sửa đổi như sau:

“Điều 37. Định giá tài sản góp vốn

1. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.

2. Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được chủ sở hữu định giá hoặc các thành viên, cổ đông sáng lập nhất trí định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được chủ sở hữu, tất cả các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá

và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

3. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên định giá, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị nếu Điều lệ công ty có quy định đối với đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tất cả thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, Đại hội đồng cổ đông hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị nếu Điều lệ công ty có quy định đối với công ty cổ phần chấp thuận.

Trường hợp nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời, liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội, 2014. Luật số: 66/2014/QH13, ngày 25/11/2014 về “Kinh doanh bất động sản”.
- Quốc hội, 2014. Luật số: 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014 về “Doanh nghiệp”.
- Chính phủ, 2007. Nghị định số 104/2007/NĐ-CP, ngày 14/6/2007 về “Kinh doanh dịch vụ đòi nợ”.
- Chính phủ, 2010. Nghị quyết số: 25/NQ-CP, ngày 02/6/2010 về việc “Đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, Ngành”.
- Chính phủ, 2015. Nghị định số: 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về việc “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản”.
- Chính phủ, 2015. Nghị định số: 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về “Đăng ký doanh nghiệp”.